

Số: **293**/QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày **09** tháng **03** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng, Chánh Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng, Chánh Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội, Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó TTgCP Vương Đình Huệ (đề b/c);
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Thành viên BCĐTW các CTMTQG;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng Bộ LĐTĐBXH;
- Sở LĐTĐBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ: Văn phòng Bộ, Vụ KHTC, Vụ PC, Cục QLĐNN, Cục BTEXH, Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, VPQGGN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Đàm

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016
của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia
Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 293 /QĐ-LĐTĐ ngày 09 tháng 03 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Để kịp thời triển khai thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đạt tiến độ và có hiệu quả, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (Sau đây viết tắt là Quyết định 1722/QĐ-TTg) với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ của Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Tổ chức triển khai kịp thời, toàn diện và có hiệu quả các dự án, nhiệm vụ, thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định 1722/QĐ-TTg đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, đạt chất lượng theo yêu cầu, mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Chương trình);

- Xác định rõ nội dung công việc, lộ trình thực hiện và phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện Quyết định 1722/QĐ-TTg đảm bảo tính đồng bộ, kịp thời, thống nhất và có hiệu quả;

- Làm cơ sở để các đơn vị lồng ghép trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch công tác của Bộ trong giai đoạn 2016-2020.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định 1722/QĐ-TTg một cách thống nhất, đồng bộ và hiệu quả;
- Chủ động thực hiện các nhiệm vụ được phân công hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng các nội dung đã đề ra trong Kế hoạch;
- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và thống nhất giữa Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo với các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị thuộc các Bộ, ngành có liên quan trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định 1722/QĐ-TTg.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

(Phụ lục chi tiết đính kèm)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì, phối hợp thực hiện các nội dung được nêu tại mục II, có nhiệm vụ:

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan của Trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động, chương trình, đề án đảm bảo tiến độ, mục tiêu đề ra;
- Chủ động tham mưu, nghiên cứu, đề xuất với Lãnh đạo Bộ; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện; chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Bộ về kết quả triển khai các nhiệm vụ được phân công;
- Phối hợp với Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo để thống nhất xây dựng các đề án, văn bản hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ được Bộ trưởng phân công;
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (06 tháng và hằng năm), đột xuất về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao gửi Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

2. Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo:

- Là cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai thực hiện chương trình, xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện chương trình và các dự án thành phần hằng năm;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan phân bổ chi tiết kế hoạch, dự toán chi thực hiện chương trình; báo cáo kết quả phân bổ và sử dụng vốn thực hiện chương trình hằng năm;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình theo phân công tại Quyết định 1722/QĐ-TTg;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định các dự án, hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình do Bộ chủ trì, trực tiếp chỉ đạo, quản lý trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định thầu, phê duyệt và ký hợp đồng đặt hàng với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có chức năng thực hiện xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo;

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ định kỳ (6 tháng, hằng năm), đột xuất về tình hình và kết quả thực hiện Quyết định này.

3. Cục Bảo trợ Xã hội:

- Phối hợp với Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

- Phối hợp với Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại địa phương theo định kỳ, giữa kỳ, đột xuất.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính:

- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương trung hạn và hàng năm giao cho các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ và các địa phương thực hiện Quyết định 1722/QĐ-TTg;

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Quyết định 1722/QĐ-TTg;

- Phối hợp với Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

5. Cục Quản lý Lao động ngoài nước:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, đơn vị liên quan chỉ đạo thực hiện Tiểu dự án 4 (hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài);

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện tiểu Dự án theo định kỳ, đột xuất;

- Phối hợp với Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này./.

Phụ lục
NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1722/QĐ-TTg
NGÀY 02/9/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 293 /QĐ-LĐTĐ ngày 09 tháng 03 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

| STT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm/ hình thức văn bản | Thời gian thực hiện |
|----------|--|----------------------------------|--|------------------------------------|--|
| A | HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH | | | | |
| 1 | Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục Quản lý Lao động ngoài nước; Cục Bảo trợ xã hội; Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Đã hoàn thành (QĐ số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016) |
| 2 | Xây dựng quy trình kiểm tra và giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Cục Bảo trợ xã hội; Vụ Pháp chế; Cục Quản lý Lao động ngoài nước; Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Thông tư của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH | Đã hoàn thành (Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016) |
| 3 | Nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí huyện nghèo áp dụng cho giai đoạn 2017-2020 | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Cục Bảo trợ xã hội; Vụ Pháp chế; Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Đã hoàn thành (QĐ số 2115/QĐ-TTg) |

| STT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm/ hình thức văn bản | Thời gian thực hiện |
|-----|---|----------------------------------|---|---|--|
| | | | liên quan | | ngày 7/11/2016) |
| 4 | Nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Cục Bảo trợ xã hội; Vụ Pháp chế; Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Đã hoàn thành (QĐ số 1559/QĐ-TTg ngày 5/8/2016) |
| 5 | Nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Đã hoàn thành (QĐ số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017) |
| 6 | Nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách huyện nghèo áp dụng cho giai đoạn 2017-2020 | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Vụ Pháp chế; Sở LĐTBXH các tỉnh thành phố và các đơn vị có liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Quý II/2017 |
| 7 | Hướng dẫn quy trình thực hiện hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Vụ Pháp chế; Cục Bảo trợ Xã hội và các đơn vị có liên quan | Lồng ghép với Thông tư của BNN&PTNT về hướng dẫn thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo | Quý II/2017 |

| STT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm/ hình thức văn bản | Thời gian thực hiện |
|----------|--|----------------------------------|---|--|-----------------------------|
| B | THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | | | | |
| I | Dự án 1: Chương trình 30a | | | | |
| 1 | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các huyện nghèo | | | | |
| a | Hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1: <i>Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo</i> | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐT BXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các văn bản hướng dẫn | Hàng năm |
| b | Theo dõi, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 theo định kỳ, đột xuất | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐT BXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các báo cáo theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện | 6 tháng/ Hàng năm/ Đột xuất |
| 2 | Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo | | | | |
| a | Hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 2: <i>Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo</i> | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐT BXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các văn bản hướng dẫn | Hàng năm |
| b | Theo dõi, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự 2 theo định kỳ, đột xuất | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐT BXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các báo cáo theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện | 6 tháng/ Hàng năm/ Đột xuất |
| 3 | Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn | | | | |

| STT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm/ hình thức văn bản | Thời gian thực hiện |
|------------|---|----------------------------------|--|--|--------------------------------|
| a | Hướng dẫn triển khai thực hiện hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các văn bản hướng dẫn | Hàng năm |
| b | Thẩm định, hướng dẫn và điều phối các dự án, hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc NSTW phân bổ cho các Bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Các đơn vị được giao dự toán NSTW | Văn bản | Hàng năm |
| c | Thẩm định thầu, phê duyệt, ký hợp đồng đặt hàng với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có chức năng thực hiện xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo thuộc Ngân sách giao tại Bộ LĐTBXH | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp liên quan | Hợp đồng đặt hàng | Hàng năm |
| d | Theo dõi, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các báo cáo theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện | Hàng năm |
| 4 | Tiểu dự án 4: Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài | | | | |

| STT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm/ hình thức văn bản | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|----------------------------------|--|--|-----------------------------|
| a | Hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 4: <i>Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài</i> | Cục Quản lý Lao động ngoài nước | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo; Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các văn bản hướng dẫn | Hàng năm |
| b | Theo dõi, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 4 theo định kỳ, đột xuất | Cục Quản lý Lao động ngoài nước | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo; Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các báo cáo theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện | 6 tháng/ Hàng năm/ Đợt xuất |
| II | Dự án 2: Chương trình 135 | | | | |
| 1 | Tiểu dự án 2: <i>Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn</i> | | | | |
| a | Hướng dẫn triển khai thực hiện hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các văn bản hướng dẫn | Hàng năm |
| b | Thẩm định, hướng dẫn và điều phối các dự án, hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc NSTW phân bổ cho các Bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Các đơn vị được giao dự toán NSTW | Văn bản | Hàng năm |

| STT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm/ hình thức văn bản | Thời gian thực hiện |
|------------|---|----------------------------------|--|--|----------------------------|
| c | Thẩm định thầu, phê duyệt, ký hợp đồng đặt hàng với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có chức năng thực hiện xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo thuộc Ngân sách giao tại Bộ LĐTBXH | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp liên quan | Hợp đồng đặt hàng | Hàng năm |
| d | Theo dõi, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các báo cáo theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện | Hàng năm |
| III | Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 | | | | |
| I | Hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo | | | | |
| a | Hướng dẫn triển khai thực hiện hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các văn bản hướng dẫn | Hàng năm |
| b | Thẩm định, hướng dẫn và điều phối các dự án, hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc NSTW phân bổ cho các Bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể trước khi trình cấp có thẩm | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Các đơn vị được giao dự toán NSTW | Văn bản | Hàng năm |

| STT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm/ hình thức văn bản | Thời gian thực hiện |
|-----------|---|----------------------------------|--|--|------------------------|
| | quyền phê duyệt | | | | |
| c | Thẩm định thầu, phê duyệt, ký hợp đồng đặt hàng với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có chức năng thực hiện xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo thuộc Ngân sách giao tại Bộ LĐTBXH | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp liên quan | Hợp đồng đặt hàng | Hàng năm |
| d | Theo dõi, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Các báo cáo theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện | Hàng năm |
| IV | Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin | | | | |
| a | Hướng dẫn triển khai thực hiện Hoạt động truyền thông về giảm nghèo thuộc Dự án 4: <i>Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</i> | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Các đơn vị có liên quan | Các văn bản hướng dẫn; các báo cáo theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện; | 6 tháng/ Hàng năm |
| b | Phát triển, tăng cường hoạt động của Trang thông tin về giảm nghèo để tạo diễn đàn và chia sẻ thông tin | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Trung tâm thông tin và các đơn vị có liên quan | Trang thông tin về giảm nghèo được cải thiện, cung cấp nhiều thông tin hơn | Hàng năm |
| c | Tuyên truyền, tôn vinh những tập thể, cá nhân trong công tác giảm | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Văn phòng Bộ; Vụ KHTC và | Quyết định của Bộ trưởng ban hành Kế | Đã hoàn thành |

| STT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm/ hình thức văn bản | Thời gian thực hiện |
|----------|--|---|--|--|----------------------------------|
| | nghèo bền vững thông qua cuộc thi viết về giảm nghèo | gia về giảm nghèo | các đơn vị có liên quan | hoạch Tổ chức cuộc thi các tác phẩm báo chí về công tác giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 | (QĐ 1330/QĐ-LĐTĐ ngày 7/10/2016) |
| d | Tài liệu hóa cuộc thi sáng kiến giảm nghèo bền vững thông qua phát huy nội lực cộng đồng | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Các đơn vị có liên quan | Văn bản của Bộ LĐTĐ | Quý II/2017 |
| e | Tổ chức các hội thảo, hội nghị về giảm nghèo | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Các đơn vị có liên quan | Hội nghị, hội thảo | Hàng năm |
| f | Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo, Dự án Hỗ trợ tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam | Sở LĐTĐ các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu và chuyển giao cho các địa phương | Năm 2016-2017 |
| V | Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình | | | | |
| 1 | Hoạt động nâng cao năng lực | | | | |
| a | Xây dựng tài liệu tập huấn cán bộ làm công tác giảm nghèo | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐTĐ các tỉnh, thành phố và các đơn vị liên quan | Tài liệu | Hàng năm |
| b | Tổ chức tập huấn cán bộ nguồn, cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐTĐ các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên | 3-6 lớp tập huấn cho cán bộ nguồn, cán bộ làm công tác giảm | Hàng năm |

| STT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm/ hình thức văn bản | Thời gian thực hiện |
|----------|---|----------------------------------|---|--|---------------------|
| | | | quan | nghèo cấp tỉnh/huyện được tổ chức tại các vùng, miền | |
| 2 | Hoạt động giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình | | | | |
| a | Hướng dẫn triển khai thực hiện các hoạt động của Dự án 5: <i>Nâng cao năng lực giám sát đánh giá thực hiện chương trình</i> | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Văn phòng Bộ; Vụ KHTC; Cục Bảo trợ Xã hội và các đơn vị có liên quan | | |
| b | Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát theo định kỳ | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Vụ KHTC; Cục QLĐNN và các đơn vị có liên quan | Văn bản của Bộ LĐTBXH | Hàng năm |
| c | Tổ chức kiểm tra, giám sát tại địa phương theo định kỳ, giữa kỳ, đột xuất | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Vụ KHTC; Cục QLĐNN; Văn phòng Bộ; Cục Bảo trợ Xã hội và các đơn vị có liên quan | Văn bản của Bộ LĐTBXH; Báo cáo kết quả kiểm tra; kiến nghị, đề xuất | Hàng năm |
| d | Hướng dẫn và tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố | Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm | Hàng năm |
| C | NHIỆM VỤ CỦA CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC | | | | |

| STT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm/ hình thức văn bản | Thời gian thực hiện |
|-----|--|----------------------------------|---|---|--------------------------------------|
| 1 | Tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Các đơn vị có liên quan | Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 | Đã hoàn thành (ngày 15/10/2016) |
| 2 | Xây dựng kế hoạch phân bổ vốn trung hạn, vốn hằng năm NSTW cho các Bộ, ngành và địa phương | Vụ Kế hoạch - Tài chính | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo; Cục QLĐNN, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan | Văn bản của Bộ LĐTBXH gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hằng năm |
| 3 | Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát liên ngành việc tổ chức thực hiện | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Các đơn vị có liên quan | Chương trình công tác của Ban Chi đạo Trung ương | Hằng năm |
| 4 | Tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chi đạo Trung ương theo quy định | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Các đơn vị có liên quan | Báo cáo Bộ LĐTBXH | Hằng năm/ Đột xuất |
| 5 | Phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Văn phòng Bộ; Vụ Pháp chế và các đơn vị có liên quan | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Quý I/2017 (đang trình Thủ tướng) |

| STT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm/ hình thức văn bản | Thời gian thực hiện |
|------------|--|----------------------------------|--|--|----------------------------|
| | thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2016-2020 | | | | |
| 6 | Phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức Chương trình truyền hình trực tiếp Vì người nghèo vào ngày 17/10 hằng năm | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Văn phòng Bộ; Vụ KHTC và các đơn vị có liên quan | Kế hoạch phối hợp hằng năm | Hằng năm |
| 7 | Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức trao giải Cuộc thi các tác phẩm báo chí về công tác giảm nghèo | Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo | Các đơn vị liên quan | Cuộc thi các tác phẩm báo chí về công tác giảm nghèo | Hằng năm |